

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

PHẦN 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2018 (TCT phê duyệt)	KH năm 2018 (ĐHĐCĐ thông qua)	TH năm 2018	Tỷ lệ TH so với KH được ĐHĐCĐ thông qua (%)
1	2	3	4	5	6
1	Chỉ tiêu Sản lượng	130	130	68,42	52,63%
2	Tổng doanh thu	157	157	82,84	52,76%
3	Lợi nhuận trước thuế	1,0	1,0	-20,33	
4	Lợi nhuận sau thuế	1,0	1,0	-20,33	
5	Giá trị đầu tư	-	26,95	0,26	0,96%
6	Lao động cuối kỳ	100	100	95	95%
7	Lao động sử dụng bình quân	90	95	83	87,37%
8	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	7,8	7,8	7,7	98,72%
9	Vốn điều lệ	500	500	500	100%

II. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018.

1. Doanh thu:

- Doanh thu năm 2018 đạt 82,84 tỷ đồng, bằng 52,76% so với kế hoạch năm. Doanh thu đạt được chủ yếu là từ hoạt động thi công xây lắp; một phần là từ hoạt động môi giới bất động sản và cho thuê văn phòng Công ty, cho thuê căn hộ Dragon Palace. Cụ thể:

+ Hoạt động trong lĩnh vực xây lắp: Doanh thu đạt 80,01 tỷ đồng từ hoạt động thi công một số hạng mục tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1; thi công xây dựng nhà phố thương mại thuộc dự án Khu dân cư và viện

dưỡng lão tại Long An và từ thi công tại dự án Khu thể thao đa năng Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Hoạt động kinh doanh khác: Doanh thu đạt 2,82 tỷ đồng từ hoạt động môi giới bất động sản và cho thuê các căn hộ kinh doanh ngắn hạn của Công ty...

2. Lợi nhuận trước thuế:

- Khoản lỗ trong năm 2018 là 20,33 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do giá trị dờ dang lớn, doanh thu đạt được chưa đủ để bù đắp chi phí quản lý doanh nghiệp và một phần chi phí lãi vay như: lãi vay vốn lưu động, lãi vay vốn đầu tư dự án bất động sản, ngoài ra còn do trích lập dự phòng một số khoản đầu tư tài chính.

3. Thu nhập bình quân: Thu nhập bình quân năm 2018 đạt 7,7 triệu đồng/tháng, bằng 98,72% kế hoạch đề ra.

III. Tình hình thực hiện hoạt động thi công xây lắp trong năm 2018.

- Trong năm 2018 Công ty đã ký được các Phụ lục bổ sung của các Hợp đồng đang thực hiện với Tổng giá trị hợp đồng là trên 91 tỷ đồng bao gồm:

+ Phụ lục bổ sung của Hợp đồng thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với số tiền trên 75 tỷ đồng;

+ Phụ lục bổ sung của Hợp đồng thi công 04 block chung cư tại Long An với giá trị tăng thêm là 14,3 tỷ đồng

+ Hợp đồng thi công hoàn thiện biệt thự song lập của Dự án KĐT Năm Sao tại Long An với giá trị hơn 1 tỷ đồng.

IV. Tình hình thực hiện dự án năm 2018:

- Giá trị đầu tư năm 2018 đạt 0,26 tỷ đồng bằng 0,96% kế hoạch năm. Giá trị đầu tư chỉ là chi phí đầu tư tài sản cố định của Công ty.

- Dự án hiện nay của Công ty là CT5E Xuân Phương đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và bị chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do việc thay đổi, điều chỉnh quy hoạch của Thành phố Hà Nội đã kéo dài thời gian các bước chuẩn bị đầu tư dự án của Công ty..

- Hiện Công ty đang phối hợp với các Chủ đầu tư khác làm việc với các Sở Ban ngành của Tp. Hà Nội để điều chỉnh quy hoạch chi tiết của Dự án. Công ty vẫn đang tích cực tìm kiếm đối tác tổ chức triển khai dự án.

V. Các công tác khác:

- Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn, có chế độ thu hút kỹ sư, cử nhân, công nhân để bổ sung nguồn nhân lực cho các công trình mới.

- Thực hiện tốt các quy định về vệ sinh, an toàn và bảo hộ lao động trên công trường.

- Thực hiện kịp thời, đảm bảo đầy đủ chế độ đối với người lao động như chế độ BHXH, BHYT, thăm khám chữa bệnh,... và các chế độ khác theo quy định.

- Sử dụng lao động một cách hợp lý và có hiệu quả trong hoạt động SXKD của Công ty. Tập trung rà soát lại công việc, lực lượng lao động để sắp xếp bố trí đúng người đúng việc, nhằm đảm bảo có đủ việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV. Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý, kỹ sư và người lao động nhằm nâng cao kiến thức lãnh đạo quản lý, tay nghề phù hợp với xu thế phát triển và yêu cầu SXKD của Công ty.

VI. Kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp.

- Trong năm 2018, Công ty PVC Đông Đô tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ lĩnh vực đầu tư kinh doanh Bất động sản sang lĩnh vực thi công xây dựng công trình. Công ty đã mở rộng thị trường và tiếp tục có thêm các công việc từ hoạt động xây lắp tại Tỉnh Long An. Hoạt động thi công xây lắp công trình giúp Công ty từng bước ổn định sản xuất, duy trì bộ máy Công ty, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

VII. Một số hạn chế ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2018.

- Đối với hoạt động thi công xây lắp: Công tác nghiệm thu thanh toán còn chậm làm ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận của Công ty. Nguyên nhân của việc chậm nghiệm thu thanh toán là do hồ sơ thanh toán còn chậm, nhiều danh mục công việc ngoài thực tế thi công sai khác với danh mục công việc trong hợp đồng/ dự toán được duyệt nên chưa được nghiệm thu thanh toán; giá trị Biện pháp thi công chưa được thanh toán hoặc thanh toán chưa tương xứng với chi phí Biện pháp thi công. Tại dự án Thái Bình 2 thanh toán đến 95% giá trị khối lượng công việc hoàn thành; dự án Sông Hậu 1 thanh toán đến 70% giá trị khối lượng công việc hoàn thành, giá trị tạm thanh toán thấp ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận của Công ty.

- Do khó khăn về nguồn vốn nên Công ty chưa đáp ứng tiến độ thi công các hạng mục tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, dẫn đến chưa đạt kế hoạch sản lượng, doanh thu như kế hoạch đề ra.

- Tại dự án CT5E- Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội: Tại thời điểm lập kế hoạch SXKD năm 2018, Công ty kỳ vọng và dự kiến sẽ thực hiện khởi công dự án trong 06 tháng cuối năm. Khi đó, lãi vay của dự án sẽ được tính vào chi phí thực hiện dự án. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn chưa hoàn thành được việc điều chỉnh quy hoạch, ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Do đó, lãi vay được hạch toán vào chi phí quản lý làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

- Do khó khăn về nguồn vốn nên trong năm 2018 Công ty chưa thực hiện được kế hoạch kinh doanh vật tư vật liệu để mang lại doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch năm đề ra.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyên tiếp cũng như nguồn công việc dự kiến sẽ ký hợp đồng trong năm 2019, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô xây dựng kế hoạch và các giải pháp thực hiện năm 2019 như sau:

I. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2019
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	tỷ đồng	148
2	Doanh thu	tỷ đồng	121
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	0,1
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	0,1
5	Giá trị đầu tư	tỷ đồng	14,85
6	Lao động sử dụng bình quân	người	90
7	Thu nhập bình quân	triệu đồng/người/tháng	7,7
8	Vốn điều lệ	tỷ đồng	500

1. Doanh thu: Kế hoạch năm 2019 là 121 tỷ đồng, cụ thể:

+ Doanh thu từ hoạt động thi công xây lắp là: 108,85 tỷ đồng. Trong đó:

- Thi công một số gói thầu và nghiệm thu giá trị khối lượng phát sinh thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là: 57,77 tỷ đồng.

- Thi công và nghiệm thu tại dự án Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An: 24,89 tỷ đồng.

- Nghiệm thu quyết toán dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 là: 4,68 tỷ đồng.

- Thi công một số dự án mới tại Tp.HCM và khu vực miền Bắc là: 21,51 tỷ đồng

+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản: 7,61 tỷ đồng.

+ Doanh thu từ kinh doanh vật tư: 4,55 tỷ đồng.

2. Lợi nhuận trước thuế :

Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2019 dự kiến là 100 triệu đồng.

3. Đầu tư:

- Năm 2019 Công ty dự kiến triển khai thực hiện dự án Xuân Phương và dự án mua sắm tài sản cố định phục vụ thi công xây lắp. Trước khi triển khai thực hiện, Công ty sẽ trình Tổng Công ty và các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định, quy trình của pháp luật/Tổng Công ty/Điều lệ Công ty.

4. Kế hoạch thoái vốn:

- Tại dự án Nam An Khánh: Sau khi được sự chấp thuận thoái vốn của Tổng Công ty PVC, tìm kiếm đối tác và tiến hành các thủ tục pháp lý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Tại dự án Dragon Hill: Tìm đối tác chuyển nhượng nốt 03 căn hộ còn lại được chia từ góp vốn vào dự án của Công ty Phú Long.

- Tại Công ty PVC Bình Sơn: thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Bình Sơn với tổng giá trị là 22,1 tỷ đồng. Tháng 3/2019 Công ty đã thu được 3,9 tỷ đồng, số tiền còn lại dự kiến sẽ thu nốt trong năm 2019.

- Tại dự án Trần Quang Khải: Đơn đốc, phối hợp với Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (đối tác nhận chuyển nhượng) làm việc với Công ty In Báo Nhân dân Hà Nội để thống nhất việc thay thế đối tác triển khai dự án và thu hồi công nợ.

II. Các giải pháp và nhiệm vụ chủ yếu để hoàn thành kế hoạch năm 2019:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty tập trung vào các giải pháp trọng tâm sau:

- Rà soát thường xuyên toàn bộ các khoản chi phí sản xuất kinh doanh, giá trị sản lượng dở dang, chi phí dở dang, đặt biệt tại các dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1; tăng cường tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn để bù đắp một phần các khoản lỗ lũy kế từ các năm trước, qua đó từng bước ổn định, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tập trung nguồn lực tiếp thị tìm kiếm các công việc về thi công xây lắp để đảm bảo đạt kế hoạch sản lượng năm 2019, tạo ra dòng tiền để trang trải tối thiểu chi phí hoạt động của bộ máy quản lý.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vật tư và đặc biệt là công tác an toàn lao động trên công trường.

- Xây dựng phương án kinh doanh phù hợp với từng gói thầu/ dự án.

- Tập trung nhân lực chủ chốt tại các Ban chỉ huy công trường để thực hiện công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, đảm bảo tối thiểu giá trị khối lượng dở dang và công nợ phải thu tại các công trình/ dự án.

- Có giải pháp thi công chi tiết, hợp lý, tiết kiệm, an toàn cho mỗi hạng mục công trình.

- Tập trung triển khai thực hiện dự án Xuân Phương và dự kiến khởi công vào Quý 3/2019.

- Tiếp tục tìm các đối tác để chuyển nhượng phần vốn góp của PVC Đông Đô tại các đơn vị tham gia góp vốn như Công ty Lam Kinh; Công ty PVC-Petroland; Công ty cổ phần Tây Hà Nội; Khu chung cư Nam An Khánh đảm bảo công khai, minh bạch và tuân thủ đầy đủ các quy định, quy trình của pháp luật/Tổng Công ty/Điều lệ Công ty.

- Hoàn thành việc thanh toán các khoản nợ quá hạn (công nợ cổ tức 2010).

- Hoàn thành việc thu hồi vốn đầu tư từ việc thoái rút vốn tại các dự án Khu đô thị sinh thái Cửu Long - Lương Sơn Hòa Bình; Tòa nhà văn phòng 160 Trần Quang Khải.

- Tập trung thu hồi vốn đặc biệt đối với các khoản công nợ phải thu lớn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD của đơn vị như khoản phải thu của các Công ty CP Hasky, Thiên Phúc Gia, TID, IMICO, Phú Long...

- Tăng cường công tác kinh doanh vật tư, vật liệu.

- Thực hiện các giải pháp tài chính linh hoạt, đa dạng hóa các kênh huy động vốn, cấp đủ vốn cho sản xuất và đầu tư. Chủ động rà soát, nâng hạn mức vay vốn lưu động để đảm bảo vốn cho SXKD.

- Sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tiền thu được từ thoái vốn các dự án/ Công ty góp vốn.

Kết luận

Trên đây là Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD của PVC Đông Đô trong năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Công ty PVC Đông Đô mong muốn nhận được sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tập đoàn Dầu khí, Tổng công ty PVC, HĐQT và Quý cổ đông Công ty về cơ hội trong lĩnh vực xây lắp cũng như chuyển nhượng các dự án bất động sản để đơn vị hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019.

Trân trọng ! *ynh*



GIÁM ĐỐC

Hoàng Hữu Tâm

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cả năm 2017	Năm 2018				Năm 2019				Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2018	TH năm 2018	Tỷ lệ thực hiện (%)		Kế hoạch năm 2019	Trong đó:				
						TH/KH năm 2018	So với TH năm 2017		Quý I	Quý II	Quý III		Quý IV
A	B	C	I	2	3	4=3/2	5=3/1	6=7+8+9+10	7	8	9	10	11
I	Chỉ tiêu Giá trị SXKD	Tỷ đồng	149,09	130,00	68,42	52,63%	45,89%	148,00	31,41	32,50	40,33	43,76	
1	Trong đó: + Giá trị sản lượng xây lắp	Tỷ đồng	145,66	123,61	65,31	52,84%	44,84%	134,63	30,65	30,99	38,56	34,43	
2	+ Giá trị sản lượng ngoài xây lắp:	Tỷ đồng	3,43	6,39	3,11	48,63%	90,56%	13,37	0,75	1,51	1,77	9,33	
	- Kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	2,60	1,99	1,49	75,03%	57,44%	8,37	0,25	0,26	0,27	7,58	
	- Sản xuất kinh doanh khác	Tỷ đồng	0,83	4,40	1,61	36,70%	193,70%	5,00	0,50	1,25	1,50	1,75	
II	Các chỉ tiêu tài chính												
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	544,73	576,82	539,30	93,50%	99,00%	518,73	540,20	503,72	515,20	518,73	
	- Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	216,32	227,22	213,54	93,98%	98,72%	256,90	219,04	243,06	253,55	256,90	
	- Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	328,41	349,60	325,76	93,18%	99,19%	261,83	321,16	260,66	261,65	261,83	
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	347,31	348,31	327,02	93,89%	94,16%	327,13	327,04	327,06	327,09	327,13	
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	77,23	157,00	82,84	52,76%	107,27%	121,00	22,58	25,50	33,70	39,22	
3.1	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	74,09	151,19	80,01	52,92%	108,00%	108,85	21,90	24,12	32,09	30,74	
3.2	Doanh thu ngoài xây lắp	Tỷ đồng	3,14	5,81	2,82	48,65%	90,03%	12,15	0,68	1,38	1,61	8,48	
	- Kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	2,36	1,81	1,36	75,03%	57,44%	7,61	0,23	0,24	0,25	6,89	
	- Sản xuất kinh doanh khác	Tỷ đồng	0,78	4,00	1,47	36,72%	189,05%	4,55	0,45	1,14	1,36	1,59	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-18,26	1,00	-20,33			0,1	0,02	0,02	0,03	0,04	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-18,26	1,00	-20,33			0,1	0,02	0,02	0,03	0,04	

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cả năm 2017	Năm 2018				Năm 2019				Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2018	TH năm 2018	Tỷ lệ thực hiện (%)		Kế hoạch năm 2019	Trong đó:				
						TH/KH năm 2018	So với TH năm 2017		Quý I	Quý II	Quý III		Quý IV
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	7,49	4,10	1,267	30,90%	16,91%	4,27	0,57	0,80	1,20	1,70	
7	Nợ phải trả	Tỷ đồng	197,42	251,91	212,28	84,27%	107,53%	208,67	214,86	191,29	207,03	208,67	
7.1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	197,42	206,09	212,28	103,00%	107,53%	208,67	214,86	191,29	207,03	208,67	
7.2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng		45,82	0,00								
III	Chỉ tiêu đầu tư												
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	6,06	26,95	0,26	0,96%	4,29%	14,85	1,92	5,02	2,52	5,39	
	Trong đó: - Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	5,16	16,95	0,00	0,00%	0,00%	9,85	1,92	2,52	2,52	2,89	
	- Đầu tư MSTB	Tỷ đồng	0,90	10,00	0,26	2,60%	28,89%	5,00		2,50		2,50	
	- Đầu tư tài chính	Tỷ đồng											
IV	Các chỉ tiêu khác												
1	Lao động và thu nhập												
	- Số lao động cuối kỳ	Người	90	100	95	95,00%	105,56%	95	95	95	95	95	
	- Lao động sử dụng bình quân	Người	85	95	83	87,37%	97,65%	90	90	90	90	90	
	- Thu nhập bình quân	Trđ/ng th	7,7	7,80	7,70	98,72%	100,52%	7,70	7,60	7,70	7,70	7,80	
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	16	40,00	2,00	5,00%	12,50%	20,00	5,00	5,00	5,00	5,00	
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	0,034	0,10	0,003	3,30%	9,63%	0,04	0,01	0,01	0,01	0,01	

Phòng KTKH

Lương Ngọc Thỏa

Lương Ngọc Thỏa

Phòng TCHC

Vũ Lệ Hằng

Vũ Lệ Hằng

P.TCKT

Trần Trung Kiên

Trần Trung Kiên



GIÁM ĐỐC

Hoàng Hữu Tâm

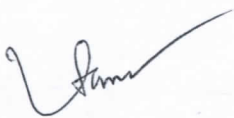
Hoàng Hữu Tâm

PHÂN TÍCH CHI TIẾT SẢN LƯỢNG - DOANH THU - LỢI NHUẬN NĂM 2018

STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2017		Năm 2018					
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Kế hoạch năm 2018			Thực hiện năm 2018		
								Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	25	26	27
	TỔNG CỘNG					208,58	87,18	130,0	157,0	1,00	68,42	82,84	-20,33
A	XÂY LẬP					208,58	87,18	123,61	151,19	0,81	65,31	80,01	-2,50
1	HĐ số 119-3/2016/HĐTCXD/CDC -PVCĐĐ ngày 4/11/2016 (Thi công hệ thống điện, nước... DA Khu thể thao đa năng Q1)	Cty CP Chương Dương	phường Bến Thành, Q1, TP. HCM	352 ngày	10,14	5,72	2,53	6,32	6,68	0,03	3,87	5,09	-0,65
2	Xây dựng nhà phố thương mại thuộc dự án Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An.	Cty Trần Anh Long An	Đức Hòa, Long An		117,98	54,55	36,18	60,62	59,63	0,27	51,30	46,19	-4,25
3	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (HĐ số XD02C/2016/SH1-PVC-PVC. Đông Đô ngày 10/10/2016) Thi công ĐNK trung tâm	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Từ 2/10/2016 đến 4/10/2017	24,15	25,73	4,67	0,00	14,04	0,11	0,04	10,63	0,95
4	Hoàn thiện biệt thự song lập thuộc Dự án Khu đô thị Năm Sao										1,01	0,17	0,00
5	HĐ số 01/HĐTC/CNPB-PVC Đông Đô ngày 16/6/2015 (Thi công HM Sân phân phối và đường ống cấp nước làm mát)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Theo tiến độ công trình được duyệt	27,76	27,88	16,09	0,00	5,54	0,05	-1,22	0,00	0,00
6	HĐ số 32/2016/HĐKT/PVC-PVC Đông Đô ngày 17/6/2016 (Thi công nhà tách nước thạch cao và hệ thống thải tro xi)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	175 ngày	175,72	79,88	19,43	56,67	60,40	0,33	10,15	17,94	1,46

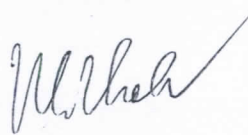
STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2017		Năm 2018					
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Kế hoạch năm 2018			Thực hiện năm 2018		
								Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
7	HD số 38/2016/HĐKT/PVC/PVC-Dong Do ngày 25/7/2016 (Cung cấp và vận chuyển đất gia cố mái tuyến đê)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	30 ngày	12,91	14,82	8,28	0,00	4,89	0,02	0,16	0,00	0,00
B	LĨNH VỰC NGOÀI XL					0,00	0,00	6,39	5,81	0,20	3,11	2,82	2,04
<i>I</i>	<i>Kinh doanh BĐS</i>					<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>1,99</i>	<i>1,81</i>	<i>0,15</i>	<i>1,49</i>	<i>1,36</i>	<i>0,91</i>
1	Phí dịch vụ môi giới bất động sản							1,10	1,00	0,04	0,47	0,43	0,43
2	Cho thuê căn hộ được chia từ góp vốn vào DA của Công ty Phú Long (TP HCM)							0,20	0,18	0,02	0,28	0,26	0,01
3	Cho thuê Văn phòng Công ty							0,69	0,62	0,08	0,74	0,67	0,47
<i>II</i>	<i>Sản xuất kinh doanh khác</i>					<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>4,40</i>	<i>4,00</i>	<i>0,05</i>	<i>1,61</i>	<i>1,47</i>	<i>1,12</i>
1	Kinh doanh vật tư							4,40	4,00	0,05	0,38	0,35	0,003
2	Lãi TGNH										0,01	0,01	0,01
3	Thu nhập khác										1,22	1,11	1,11
C	Chi phí												19,87
1	CP quản lý												10,97
2	CP bán hàng												0,58
3	CP khác												0,46
4	CP tài chính (Bao gồm cả CP lãi vay)												7,85

NGƯỜI LẬP



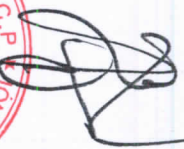
Trần Thu Vân

PHÒNG KTKH



Lương Ngọc Thòa

GIÁM ĐỐC

Hoàng Hữu Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐỒNG BỐ

PHÂN TÍCH CHI TIẾT SẢN LƯỢNG - DOANH THU - LỢI NHUẬN NĂM 2019

STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Lấy kế thực hiện đến 31/12/2018			Kế hoạch năm 2019			Kế hoạch Quý I			Kế hoạch Quý II			Kế hoạch Quý III			Kế hoạch Quý IV		
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	TỔNG CỘNG					248,31	151,13	148,00	121,00	0,1	31,41	22,58	0,02	32,50	25,50	0,02	40,33	33,70	0,03	43,76	39,22	0,04	
A	XÂY LẬP					248,31	151,13	134,63	108,85	0,06	30,65	21,90	0,01	30,99	24,12	0,01	38,56	32,09	0,02	34,43	30,74	0,0171	
1	HD số 32/2016/HDKT/PVC-PVC Đồng Đô ngày 17/6/2016 (Thi công nhà tách nước thạch cao và hệ thống thải tro xỉ)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thủy, tỉnh Thái Bình	175 ngày	175,72	90,04	37,37	76,63	54,07	0,023	24,59	12,57	0,01	22,92	15,90	0,01	22,80	16,22	0,005	6,33	9,38	0,005	
2	HD số 01/HBTC/CNPP-PVC Đồng Đô ngày 16/6/2015 (Thi công HM Sản phẩm phối và đường ống cấp nước làm mát)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thủy, tỉnh Thái Bình	Theo tiến độ công trình được duyệt	27,76	26,65	16,09	0,00	3,70	0,003	0,00	1,70	0,001	0,00	2,00	0,002							
3	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (HD số XD02C/2016/SH1-PVC-PVC. Đồng Đô ngày 10/10/2016) Thi công NDK trung tâm	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Từ 2/10/2016 đến 4/10/2017	24,15	25,77	15,30	0,00	4,68	0,004	0,00	1,41	0,001				0,00	3,27	0,003				
4	Xây dựng nhà phố thương mại thuộc dự án Khu dân cư và viên đường lão tại Long An.				117,983	105,85	82,37	12,13	24,89	0,019	6,07	6,22	0,005	6,07	6,22	0,01	0,00	7,47	0,01	0,00	4,98	0,003	
5	Dự án tại Tp.HCM: Phúc An City (giai đoạn 2)						15,00	6,90	0,01					2,00			5,25	1,00	0,001	7,75	5,91	0,005	
6	Dự án Khu nhà ở xã hội, TTTM, nhà ở cao cấp thôn Đông Sinh, Hồng Tiến, Phố Yên, Thái Nguyên						25,00	11,38	0,01								8,75	2,85	0,002	16,25	8,54	0,003	

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
I	Lao động theo HĐLĐ				
1.1	Lao động cuối kỳ	Người	100	95	95
	- Lao động gián tiếp	Người	90	65	65
	- Lao động trực tiếp	Người	10	30	30
1.2	Lao động sử dụng bình quân	Người	95	83	90
II	Tiền lương - Thu nhập				
2.1	Quỹ lương trích	đồng	9.836.316.390	8.334.642.528	10.135.047.840
2.2	Quỹ lương chi	đồng	8.553.318.600	7.733.523.905	8.412.089.707
	- Lao động gián tiếp	đồng			
	- Lao động trực tiếp	đồng			
2.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	7.502.911	7.764.582	7.788.972
	- Tiền lương BQ LĐ gián tiếp	đ/ng/th	8.144.000	7.980.852	8.293.000
	- Tiền lương BQ LĐ trực tiếp	đ/ng/th	5.000.000	5.000.000	5.500.000
	- Tiền lương BQ người cao nhất	đ/ng/th	29.309.475	28.813.169	29.309.475
	- Tiền lương BQ người thấp nhất	đ/ng/th	4.500.000	4.500.000	5.000.000
2.4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi	đồng	450.000.000		
	- Quỹ tiền thưởng của Ban QL điều	đ/ng/th			
	+ Số người được hưởng	đ/ng/th			
	+ Tiền thưởng người cao nhất	đ/ng/th			
	+ Tiền thưởng người thấp nhất	đ/ng/th			
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		450.000.000		
2.5	Tổng thu nhập (2.5=2.2+2.4)	đồng	9.003.318.600	7.733.523.905	8.412.089.707
2.6	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	7.897.648	7.764.582	7.788.972
	- Thu nhập BQ LĐ gián tiếp	đ/ng/th	8.270.000	7.980.852	8.293.000
	- Thu nhập BQ LĐ trực tiếp	đ/ng/th	5.000.000	5.000.000	
	- Thu nhập BQ người cao nhất (CBQ)	đ/ng/th	29.309.475	28.813.169	29.309.475
	- Thu nhập BQ người thấp nhất	đ/ng/th	4.500.000	4.500.000	5.000.000
2.7	Đã thanh toán lương đến tháng 10/2018				
2.8	Số tiền nợ lương CBCNV	đồng		1.025.000.000	
III	Chế độ chính sách				
3.1	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN				
	- Số người tham gia	người	65	62	65
	- Số lao động được cấp sổ BHXH	người	65	62	65
	- Số lượt giải quyết CĐ ốm đau, T.sản	lượt	6	5	5
	- Số tiền thanh toán CĐ ốm đau, T.sản	đồng	120.000.000	50.791.390	80.000.000
	- Đã nộp BHXH, BHYT, BHTN đến T10/2018				
	- Số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN	đồng		579.708.376	
3.2	Bảo hiểm con người				
	- Số người	người			
	- Số tiền phí bảo hiểm	đồng			
3.3	Khác				

Trong đó: Lao động thời vụ

- Số lao động cuối kỳ: 30 người. Trong đó: Nữ; 03
- Số lao động sử dụng bình quân trong quý: 30 người;
- Tổng quỹ tiền lương chi: 1.908.000.000 đồng;
- Tiền lương bình quân: 5.000.000 đồng/người/tháng.

NGƯỜI LẬP BIỂU

TP. TC - HC

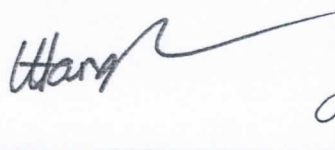
PHÒNG TC - KT

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

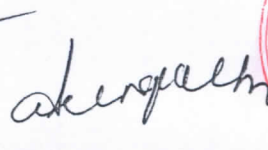
GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Thủy

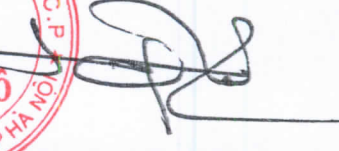


Vũ Lệ Hằng



Trần Trung Kiên




Hoàng Hữu Tâm

TỔNG HỢP CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NĂM 2018

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017		Kế hoạch năm 2018		Thực hiện năm 2018		Tỷ lệ TH năm 2018/ năm 2017 (%)		Ghi chú (Trong nước/ ngoài nước)
		Lượt người	Kinh phí	Lượt người	Kinh phí	Lượt người	Kinh phí	Lượt người	Kinh phí	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=7/3)	(10=8/4)	(11)
I	Đào tạo cán bộ quản lý									
1	Lý luận chính trị									
2	Thạc sỹ, Tiến sỹ									
3									
II	Bồi dưỡng về CM/NV									
1	Đào tạo ngoại ngữ									
2	Các nghiệp vụ khác....	16	34,28	40	100	2	3,3	12,5%	9,63%	Trong nước
III	Bồi dưỡng công nhân									
1	Thợ Hàn									
2	Thợ									
IV	Các chuyên đề khác									
1	Hội nghị, hội thảo									
2	Tập huấn.....									
	Tổng cộng:	16	34,28	40	100	2	3,3			

Ghi chú: - Khi lập kế hoạch đào tạo và PTNL năm... các Đơn vị chỉ lập từ cột số (1) đến (6).
- Số liệu báo cáo trên không bao gồm các khóa đào tạo do Tập đoàn/Tổng công ty tổ chức.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hoàng Minh Thu

TRƯỞNG PHÒNG TCHC



Vũ Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC



Hoàng Hữu Tâm

BÁO CÁO LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP
Thực hiện cả năm 2018

TT	Lao động										Thu nhập (trên đồng)																		
	Theo giới tính		Theo độ tuổi		Theo trình độ		Theo hợp đồng lao động		Sử dụng lao động		Lương và các khoản cơ tính khác		Bảo hiểm xã hội trả thay lương		Chưa ra		Các khoản thu nhập khác		Thu nhập bình quân (Tr.đồng/tháng)	Tỷ lệ đóng BHXH (tr.đồng/tháng)									
	Nam	Nữ	Đưới 30	Từ 31-39	Từ 40-49	Từ 50-55	Từ 55	Không thuộc diện ký Hợp đồng	Không thuộc diện ký Hợp đồng	Xác định thời hạn	Không xác định thời hạn	Định kỳ	Không định kỳ	Chuyên môn	Hết hạn	Lao động giản trong kỳ	Lao động theo hệ thống	Phụ cấp			Lương theo hệ thống	Thu nhập bình quân (Tr.đồng/tháng)							
1	95	83	76	19	29	28	23	7	8	5	63	9	8	10	40	30	17	8			11	13	274,8	900	7.733,01	5,9	44,86	30,26	423

Người lập biên

Hoàng Minh Thu

Phòng TCHC

Vũ Lệ Hằng



GIAM ĐỐC

Hoàng Hữu Tâm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Chưa đầu tư	Hợp đồng (có VAT)		Giá trị phải thu đầu kỳ VNĐ			Giá trị sản lượng thực hiện (VNĐ)			Giá trị đã nghiệm thu lên phiếu giá (VNĐ - có VAT)			Thanh toán để trừ nợ (VNĐ)			Trợ ứng và trừ nợ			Giá trị phải thu cuối kỳ			Ghi chú			
			Số ngày	Giá trị VNĐ	Giá trị USD	Tổng cộng	Công nợ phải thu	Giá trị KLĐĐ	Từ đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC	Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC		Từ đầu CT/DA đến cuối kỳ BC		
I		2	4A	4B	5-6+7	6	7	8	9	10-8+	11	12	13-11+12	14	15	16-14+15	17	18-17-21	19	20	21-19+20	22-23+24	23-6+	24-7+	25	
A	CÔNG TRÌNH TRONG NGÀNH																									
II	CÔNG TRÌNH DÀ THI CÔNG XONG, ĐÃ QUYẾT TOÁN HĐ, CHỦ ĐẦU TƯ CHƯA THANH TOÁN XONG.																									
I	Thi công Nhà làm việc & nhà ở CBCNV-BQH các dự án Phú Nam PVC	Tập đoàn DKVN	8,42		0,42	0,42		7,88	7,88		7,88	7,88	7,88	7,46	7,46	7,46						0,42	0,42			
III	CÔNG TRÌNH DÀ THI CÔNG XONG NHƯNG CHƯA QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG																									
2	Hợp đồng xây lắp Sân phân phối và gói đồ ống cấp nước làm mái	Tập đoàn DKVN	27,76		19,39	9,22	10,17	27,88	-1,22	26,65	17,70	17,70	17,70	6,22	6,22	6,22	3,42	1,16	2,26	2,26	2,26	18,17	9,22	8,95		
3	Thi công tuyến đường Bê tông xi măng	Tập đoàn DKVN	14,48		6,17	0,46	5,71	14,82	0,16	14,97	9,11	9,11	9,11	8,65	8,65	8,65						6,32	0,46	5,87		
IV	CÔNG TRÌNH ĐANG THI CÔNG																									
4	Thi công nhà điều khiển trung tâm CCB	Tập đoàn DKVN	24,15		24,89	4,30	20,59	25,73	0,04	25,77	5,14	16,84	3,04	3,04	3,04	5,27	2,40	0,84	0,84	2,03	2,87	19,86	10,92	8,93		
5	Hợp đồng xây lắp nhà tách nước thải cao và hệ thống xử lý xi	Tập đoàn DKVN	175,72		61,43	2,93	58,51	79,88	10,15	90,04	21,38	19,73	41,10	16,96	15,82	32,78	13,02	9,69	1,49	1,83	3,33	53,93	5,00	48,93		
B	CÔNG TRÌNH NGOÀI NGÀNH																									
I	CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG, CHỦ ĐẦU TƯ ĐÃ THANH TOÁN XONG.																									
6	Hợp đồng thiết kế và thi công Trung tâm đăng kiểm 29-08Đ	Công ty CP Đăng kiểm Đồng Đô	7,89					7,37		7,37	7,37	7,37	7,37	5,80	5,80	5,80	1,57		1,57		1,57					
7	TVTК Trung tâm đăng kiểm Bắc Ninh	Công ty TNHH Kỹ thuật Đồng Đô	0,02					0,20		0,20	0,20	0,20	0,20	0,15	0,15	0,15	0,05		0,05		0,05					
II	CÔNG TRÌNH ĐÀ THI CÔNG XONG, ĐÃ QUYẾT TOÁN HĐ, CHỦ ĐẦU TƯ CHƯA THANH TOÁN XONG.																									
8	Thi công cải tạo Bibomart	Công ty CP Bibomart	3,31		0,14	0,14	3,31	3,31		3,31	3,31	3,31	3,31	3,16	3,16	3,30						0,00	0,00			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Hợp đồng (có VAT)		Giá trị sản lượng thực hiện (VNĐ)		Giá trị đã nghiệm thu lần phiếu gửi (VNĐ - có VAT)		Thanh toán đã trả ứng (VNĐ)		Tạm ứng và trả ứng					Giá trị phải thu cuối kỳ		Chú chỉ		
			Số, ngày	Giá trị VNĐ	Giá trị USD	Tư đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Tư đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Tư đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Tư đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Dư ứng	Trả ứng			Tổng cộng		Công nợ phải thu	Giá trị KLĐD
														Tư đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Tư đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo				
III	CÔNG TRÌNH ĐÁ THÌ CÔNG XONG NHƯNG CHỮA QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG																			
9	Thi công các cấp biệt thự Phú Long	Công ty CP Phú Long	Số 15/2015/HĐKT-PL ngày 31/03/2015	48,28		48,34	48,34	48,34	48,34	42,21	4,74	0,14	4,59		4,59	1,53				
IV	CÔNG TRÌNH ĐANG THÌ																			
10	Thi công phân kết cấu Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM	UBND Quận 1-Tp HCM	Số 119-2/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 01/11/2016	8,28		7,28	5,78	5,78	4,11	4,11	1,66	0,50	1,16		1,16	2,01	0,51	1,50		
11	Thi công điện, nước Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM	UBND Quận 1-Tp HCM	Số 119-3/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 04/11/2016	10,14		5,72	3,87	2,79	5,59	4,74	7,33					2,27	1,05	1,21		
12	Thi công 18 căn từ 55-72 tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 009/HĐTC-CTYTP-2017 ngày 08/03/2017	9,09		9,09	9,04	9,04	7,16	7,53						1,55	1,55	0,00		
13	Thi công 26 căn từ 50-75 tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 014/HĐTC/TP-ĐĐ ngày 13/06/2017	12,18		10,60	1,58	12,18	4,13	8,80						3,38	3,38			
14	Thi công 26 căn từ 1-26 tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 015/HĐTC/TP-ĐĐ ngày 14/06/2017	12,19		10,61	1,58	12,19	4,36	9,09						3,10	3,10			
15	Thi công 78 căn tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 016/HĐTC/TP-ĐĐ ngày 01/07/2017	28,69		17,16	11,53	28,69	8,38	14,66	23,04					5,65	3,24	2,41		
16	Xây dựng và hoàn thiện 4 block chung cư tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 18/HĐTC/TALA-ĐĐ ngày 18/08/2017	55,84		7,10	36,61	43,71	26,90	23,94	26,46	9,43	4,33		5,10	12,15	-0,68	12,83		
17	Hoàn thiện biệt thự song lập thuộc Dự án KĐT Năm Sao	Công ty cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	Số 1708/2018/HĐXD/VĐ-ĐĐ ngày 18/08/2018	1,11		1,01	1,01	0,18	0,18	0,21						0,80	-0,03	0,83		
	TỔNG CỘNG			447,54		282,95	65,31	348,26	168,77	123,88	196,19	18,23	11,97	8,96	20,92	131,15	39,67	91,47		

GIÁM ĐỐC



Hoàng Hữu Tâm

PHÒNG KTKH

Handwritten signature

Lương Ngọc Thoa

NGƯỜI LẬP

Handwritten signature

Trần Thu Vân

DANH MỤC QUẢN LÝ & KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

STT	Tên mục Hợp đồng	Số, ngày ký hợp đồng	Đối tác ký hợp đồng	Hình thức ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng		Giá trị thực hiện trong kỳ báo cáo		Lấy kế thực hiện từ đầu năm đến thời điểm BC		Đơn vị tính - Tỷ đồng		
					Trong TCT	Ngoại ngành	Trong TCT	Ngoại ngành	Trong TCT	Ngoại ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A	HỢP ĐỒNG BANG THỰC HIỆN												
1	HỢP ĐỒNG YỚI BÊN A/CHU ĐẦU TƯ (f=1+2+...)				242,11		184,69	9,12		55,17	9,12		55,17
a	Hợp đồng xây lắp												
1	Hợp đồng xây lắp Sản phẩm phốt và gói đồ ống cấp nước làm mát	Số 01/HĐTC/CNPB-PVC ĐÔNG ĐÓNG ngày 16/06/2015	Chi nhánh xây lắp công trình Dầu khí Phía Bắc	Điều chỉnh giá	27,76		8,28	-1,22			-1,22		
2	Thi công phần kết cấu Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM	Số 119-2/2016/HĐTC/XD/CDC-PVCĐD ngày 01/11/2016	Công ty CP Chương Dương	Trộn gỏi									
3	Thi công nhà điều khiển trung tâm CCB	Số XD02C/2016/SHI-PVC-PVC-ĐÔNG ĐÓNG ngày 10/10/2016	Tổng Công ty PVC	Điều chỉnh giá	24,15		10,14	0,04			0,04		
4	Thi công điện, nước Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM	Số 119-3/2016/HĐTC/XD/CDC-PVCĐD ngày 04/11/2016	Công ty CP Chương Dương	x						3,87			3,87
5	Thi công 18 căn từ 55-72 tại Long An	Số 009/HĐTC-CT/TP-ĐD ngày 08/03/2017	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và san lấp Thuận Phát	Trộn gỏi			9,09						
6	Thi công 26 căn từ 50-75 tại Long An	Số 014/HĐTC/TP-ĐD ngày 13/06/2017	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và san lấp Thuận Phát	Trộn gỏi			12,18			1,58			1,58
7	Thi công các cấp biệt thự Phú Long	Số 15/2015/HĐKT-PL ngày 31/03/2015	Công ty CP Địa ốc Phú Long	Trộn gỏi			48,28						
8	Thi công 26 căn từ 1-26 tại Long An	Số 015/HĐTC/TP-ĐD ngày 14/06/2017	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và san lấp Thuận Phát	Trộn gỏi			12,19			1,58			1,58
9	Thi công 78 căn tại Long An	Số 016/HĐTC/TP-ĐD ngày 01/07/2017	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và san lấp Thuận Phát	Trộn gỏi			28,69			11,53			11,53
10	Xây dựng và hoàn thiện 4 block chung cư tại Long An	Số 18/HĐTC/TALA-ĐD ngày 18/08/2017	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Trộn gỏi			55,84			36,61			36,61
11	Hợp đồng xây lắp nhà tách nước thạch cao và hệ thống thải xi	Số 32/2016/HĐKT/TPVC-PVC-ĐÔNG ĐÓNG ngày 17/06/2016	Tổng Công ty PVC	Điều chỉnh giá	175,72			10,15			10,15		
12	Thi công tuyến đê Bãi Thái xi	Số 38/2016/HĐKT/TPVC-PVC-ĐÔNG ĐÓNG ngày 25/07/2016	Tổng Công ty PVC	Điều chỉnh giá	14,48			0,16			0,16		
B	HỢP ĐỒNG KÝ MỜI TRONG KỶ BẢO CÁO												
14	HỢP ĐỒNG YỚI BÊN A/CHU ĐẦU TƯ (f=1+2+...)						1,11			1,01			1,01
15	Hợp đồng xây lắp												
16	Hoàn thiện biệt thự song lập thuộc Dự án KĐT Nham Sao	Số 1708/2018/HĐXD/VC-ĐD ngày 18/08/2018	Công ty cổ phần Vincom Việt Nam	Đơn giá cố định			1,11		-1,01	1,01			1,01
TỔNG CỘNG					242,11		185,79	10,2	9,12	56,19	9,12		56,19

NGƯỜI LẬP

Trần Thu Vân

Trần Thu Vân

PHÒNG KIKH

Lương Ngọc Thò

Lương Ngọc Thò

GIÁM ĐỐC

Hoàng Hữu Tâm

Hoàng Hữu Tâm



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2019

Kế hoạch năm 2019																							
Trong đó phân bổ theo quý																							
TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năm lực thiết kế	Thời gian khởi công/hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng số cả năm	Quý I			Quý II			Quý III			Quý IV			Ghi chú				
							Trong đó	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Tổng số quý I	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác		Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác
1	2	3	4	5	6	7-11+15+19+23	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Tổng cộng (A+B)				Tỷ đồng	14,85	1,92	5,02		1,92	5,02			5,02	2,52			2,52	5,39			5,39	
	Ngoại tệ				Tr. USD																		
	Nội tệ				Tỷ đồng	14,85	1,92			1,92	5,02			5,02	2,52			2,52	5,39			5,39	
A	Các Dự án					9,85	1,92			1,92	2,52			2,52	2,52			2,52	2,89			2,89	
I	Dự án nhóm B					9,85	1,92			1,92	2,52			2,52	2,52			2,52	2,89			2,89	
1	Dự án chuẩn bị đầu tư																						
	Dự án CT5E- Xuân Phương - Nam Từ Liêm - Hà Nội	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội		Dự kiến KC năm 2019, HT năm 2020		9,85	1,92			1,92	2,52			2,52	2,52			2,52	2,89			2,89	
B	Mua phương tiện thiết bị, tài sản phục vụ thi công (máy vận thăng, giàn dáo, cốp pha...)					5,00					2,50								2,50			2,50	

PHÒNG KINH TẾ KẾ HOẠCH

NGƯỜI LẬP



Signature

Hoàng Hữu Tùng

Signature

Trần Thu Vân

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: triệu

TT	Diễn giải	Kế hoạch Năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % TH/KH	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	B	1	4	5	6	7	C
1	Chi phí nhân viên Quản lý	7,620	6,030		6,819		
	- Tiền lương	6,276	4,718	75%	5,500		
	- BHXH, BHYT, KPCĐ	1,344	1,312	98%	1,318		
2	Chi phí vật liệu quản lý	296	202		120		
	- Chi phí văn phòng phẩm	4	4	100%	100		
	- Chi vật liệu quản lý khác	292	198	68%	20		
3	Chi phí đồ dùng văn phòng	376	348		270		
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	1,589	1,575		1,391		
	- Nhà cửa vật kiến trúc	663	663	100%	581		
	- Máy móc, thiết bị	659	656	100%	577		
	- Phương tiện vận tải	267	256	96%	234		
	- Thiết bị dụng cụ quản lý						
	- Tài sản cố định khác						
5	Chi phí dự phòng						
6	Thuế, phí, lệ phí	159	3	2%	139		
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,294	940		1,163		
	- Tiền điện nước	256	206	80%	250		
	- Tiền fax, điện thoại	25	29	116%	25		
	- Thuê trụ sở làm việc						
	- Chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ văn phòng						
	- Chi phí đồng phục cho CBCNV						
	- Chi phí dịch vụ tòa nhà văn phòng	289	313	108%	253		
	- Chi phí kiểm toán	120	120	100%	96		
	- Chi phí mua bảo hiểm tài sản	30	42	140%	40		
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	574	230	40%	499		
8	Chi bằng tiền khác	1,600	1,875	117%	1,678		
	- Chi phí tiếp khách	390	369	95%	358		
	- Công tác phí tàu xe	305	233	76%	258		
	- Tiền nhiên liệu	82	80	98%	330		
	- Chi phí tiếp thị quảng cáo	4	4	100%	5		
	- Chi phí đào tạo	1	1	100%	15		
	- Chi phí hội nghị, khánh tiết, lễ tân	222	212	95%	190		
	- Phí quản lý nộp TCT (nếu có)						
	- Chi phí bằng tiền khác	596	259	43%	522		
	- Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi		717				
	Tổng cộng	12,934	10,973		11,580		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Dương Hồng Thái

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Trung Kiên

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

GIÁM ĐỐC

Hoàng Hữu Tâm

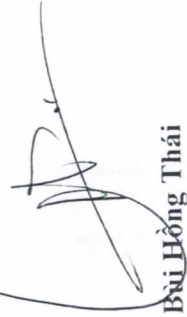


KẾ HOẠCH VỐN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY MẸ

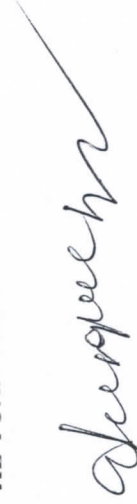
TT	Nội dung	Vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ nghiên cứu KHCN và đào tạo	Quỹ tìm kiếm thăm dò	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XD CB
1	Tại thời điểm 01/01/2018	346,716	18,344			5,532	(177,164)	
2	Tại thời điểm 31/12/2018 Trong đó - Ước tăng trong năm 2018 + Lãi trong kỳ - Ước giảm trong năm 2018 + Lỗ trong kỳ	326,387					(197,493)	
3	Kế hoạch tại thời điểm 31/12/2019 Trong đó Kế hoạch tăng trong năm 2019 + Lãi trong kỳ Kế hoạch giảm trong năm 2019 +	20,329 326,387					20,329 (197,493)	

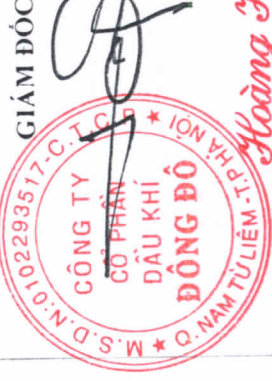
Ghi chú: Áp dụng cho các công ty con

NGƯỜI LẬP BIỂU


Bùi Hồng Thái

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Trung Kiên



Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BẢNG TIẾT GIẢM CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Tên danh mục	Thực hiện tiết giảm năm 2017	Kế hoạch đăng ký tiết giảm năm 2018	Thực hiện tiết giảm cả năm 2018	Kế hoạch tiết giảm Năm 2019	Ghi chú
A	B	1	2	5	6	7
1	Chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư thiết bị, năng lượng		0.582	0.600	0.606	
2	Sử dụng vật tư thiết bị trong kho					
3	Tiết giảm mua mới vật tư thiết bị					
4	Đàm phán tiết giảm giá vật tư/thiết bị đã ký hợp đồng					
5	Tự thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng					
6	Đàm phán tiết giảm giá hợp đồng dịch vụ, trong đó: - Đối với đơn vị ngoài PVN - Đối với đơn vị dịch vụ trong PVN	0	0	0	0	
7	Tiết giảm chi phí tài chính					
8	Tiết giảm chi phí vận hành/chi phí quản lý phân xưởng/chi phí quản lý chung		1.020	1.067		
9	Tiết giảm chi phí đầu tư, trong đó: - Từ tiết giảm chi phí QLDA - Từ đàm phán giảm giá các hợp đồng dịch vụ đã ký - Từ tiết giảm đầu tư	0	0	0	0	
	TỔNG CỘNG		1.60	1.67	0.61	-

Người lập biểu

Bùi Hồng Thái

Trưởng phòng

Trần Trung Kiên

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Giám đốc



Hoàng Hữu Tâm